

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CHÍ LINH  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 25 - 5 - 2021  
*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Kim Giang;

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đới Văn Trinh

2. Ông Nguyễn Văn Thành

**- Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên toà:**  
Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 26/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/5/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị H, sinh năm 2000;

Địa chỉ: Thôn B, xã B, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh Vũ Đình H, sinh năm 1997;

Nơi ĐKKHKT: Thôn B, xã B, thành phố C, tỉnh Hải Dương;

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại: Đội 33, phân trại số 3, trại giam X, Cục C10, Bộ Công an (địa chỉ: Xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng).

- Người làm chứng: Bà Vũ Thị N, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Thôn L, xã L, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Chị H, anh H, bà N đều vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 18/01/2021, bản tự khai và ý kiến tại các buổi làm việc với Tòa án, chị Vũ Thị H trình bày:

Chị và anh Vũ Đình H đăng ký kết hôn ngày 22/6/2018, tại Ủy ban nhân dân xã B, thành phố C trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ anh H ở thôn B, xã B, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến đầu năm 2019, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H thường xuyên chơi bời với bạn bè, không chịu tu chí làm ăn và không quan tâm đến vợ con. Mọi việc trong gia đình chị đều phải lo toan, căng thẳng. Chị và gia đình khuyên bảo nhiều nhưng anh H không chịu thay đổi. Do vậy, tình cảm vợ chồng ngày càng mất dần. Đầu năm 2020, anh H vi phạm pháp luật và bị Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" và phải đi chấp hành án. Ngày 13/7/2020, sau khi anh H ra tù được mấy ngày lại tiếp tục trộm cắp tài sản và bị Tòa án nhân dân huyện Lục Nam xử 21 tháng tù. Hiện tại, anh H đang chấp hành án phạt tù tại trại giam X. Nay chị xác định đã mất hết niềm tin và không còn tình cảm với anh H; vợ chồng cũng sống ly thân từ lâu và không thể về đoàn tụ được. Do vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Vũ Tuấn A, sinh ngày 29/9/2019. Hiện tại, con chung đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị đề nghị giao con cho chị tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Hiện tại, chị đang làm công nhân công ty trách nhiệm hữu hạn V, thu nhập bình quân khoảng 5.000.000đ/tháng. Chị đủ khả năng chăm sóc tốt cho con. Về quan hệ tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại đơn trình bày ngày 26/02/2021 và ý kiến tại các buổi làm việc với Tòa án, anh Vũ Đình H trình bày thống nhất các nội dung chị H đã trình bày về điều kiện kết hôn và quá trình chung sống giữa anh và chị H. Anh xác định ngày 10/01/2020, anh có phạm tội "Trộm cắp tài sản" và bị Tòa án nhân dân huyện Lục Nam xử phạt 06 tháng tù. Đến ngày 10/7/2020, anh ra tù, vợ chồng vẫn chung sống bình thường. Chị H và gia đình đã khuyên bảo anh cố gắng làm ăn, lo cho gia đình, con cái. Tuy nhiên, ngày 13/7/2020, do anh suy nghĩ không chín chắn nên lại tiếp tục vi phạm pháp luật và bị Tòa án nhân dân huyện Lục Nam xử phạt 21 tháng tù. Sau đó, anh phải đi chấp hành án phạt tù tại đội 33, phân trại số 3, trại giam X. Từ đó đến nay, chị H chỉ đến thăm anh một lần và cương quyết đòi ly hôn. Anh và gia đình đã khuyên bảo nhưng chị H vẫn không chịu thay đổi ý định. Nay anh cảm thấy vẫn còn tình cảm với chị H nên anh không đồng ý ly hôn chị H. Về con chung: Anh H xác định vợ chồng có 01

con chung là Vũ Tuấn A như chị H trình bày. Hiện tại anh đang chấp hành án nên không thể nuôi con được. Do vậy, anh đề nghị để chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con. Anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị H. Về quan hệ tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bà Vũ Thị N - mẹ đẻ chị H trình bày xác định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh H phát sinh từ năm 2018. Nguyên nhân là do anh H chơi bời, không chịu tu chí làm ăn, còn mang tài sản gia đình đi cầm ký. Khi chị H có thai thì anh H cũng không lo lắng, giúp đỡ gì. Gia đình đã khuyên bảo nhiều nhưng anh H không chịu thay đổi. Toàn bộ công việc gia đình, chăm sóc con đều do chị H lo toan. Nhiều lần chị H cảm thấy buồn chán và bảo với bà là muốn ly hôn với anh H, nhưng bà vẫn khuyên bảo động viên để chị H cố gắng tiếp tục chung sống với anh H. Khoảng cuối năm 2019, đầu năm 2020, anh H phạm tội "Trộm cắp tài sản" và phải đi tù. Giữa năm 2020, anh H ra tù được vài ngày lại tiếp tục phạm tội và đi tù tiếp. Nay bà thấy anh H không chịu thay đổi bản thân để giúp đỡ vợ, nên chị H xin ly hôn, quan điểm của bà là tùy chị H quyết định. Về con chung: Theo bà nên giao con Vũ Tuấn A cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng vì chị H nuôi dưỡng cháu từ nhỏ đến nay. Anh H đang đi tù cũng không thể nuôi dưỡng con được.

Tại phiên toà:

Chị H, anh H vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Về đường lối giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Vũ Đình H. Về con chung: Xử giao con chung là con chung là Vũ Tuấn A, sinh ngày 29/9/2019 cho chị Vũ Thị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị H. Anh Vũ Đình H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị Vũ Thị H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Người làm chứng là bà Vũ Thị N vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Vũ Đình H cư trú tại: Thôn B, xã B, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Chị Vũ Thị H khởi kiện xin ly hôn anh H và đề nghị giải quyết về việc nuôi con chung, do vậy, đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh thụ lý giải quyết vụ án là đúng với thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị H và anh Vũ Đình H kết hôn với nhau ngày 22/6/2018 trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo các điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bắc An. Do vậy, hôn nhân của chị H, anh H là hợp pháp. Sau khi kết hôn một thời gian, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng trong cuộc sống. Anh H không chịu làm ăn, chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình với chị H; thường xuyên vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án phạt tù. Dẫn đến tình cảm và niềm tin của chị H với anh H mất dần và không thể đoàn tụ được. Hội đồng xét xử thấy rằng việc anh H không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ chị H và không cùng chị H chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị H xin ly hôn anh H.

[4] Về con chung: Cả chị H và anh H đều thống nhất quan điểm đề nghị giao con chung là Vũ Tuấn A, sinh ngày 29/9/2019 cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Xét chị H đang làm công nhân công ty trách nhiệm hữu hạn V, thu nhập bình quân khoảng 5.000.000đ/tháng, có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Anh H hiện tại

đang phải chấp hành án phạt tù, không có điều kiện để nuôi dưỡng con. Do vậy, cần căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận theo yêu cầu của chị H, anh H về việc giao con cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng mới đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung. Chị H không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị, đây là ý kiến tự nguyện của chị H, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được chấp nhận. Anh H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về quan hệ tài sản: Chị H, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

*Vì các lẽ trên,*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Vũ Đình H.

2. Về con chung: Xử giao con chung là con chung là Vũ Tuấn A, sinh ngày 29/9/2019 cho chị Vũ Thị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị H. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

3. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà chị H đã nộp theo biên lai thu số: AA/2017/0006802 ngày 26/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- UBND xã Bắc An (Để ghi sổ hộ tịch);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Nguyễn Kim Giang**